

Số: 7646 /BC-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát tình hình việc làm của cựu sinh viên chính quy năm học 2025 - 2026 (tốt nghiệp năm 2024)

Căn cứ Công văn số 3943/BGDĐT-GDDH ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên (SV) tốt nghiệp hàng năm;

Thực hiện Kế hoạch số 6087/KH-ĐHĐT ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Trường Đại học Đồng Tháp về việc khảo sát tình hình việc làm của cựu học viên cao học, cựu SV chính quy năm học 2025 - 2026; Nhà trường đã triển khai hoạt động khảo sát cựu SV chính quy tốt nghiệp năm 2024, kết quả cụ thể như sau:

I. MÔ TẢ VỀ HOẠT ĐỘNG KHẢO SÁT

1. Đơn vị thực hiện

Nhà trường giao Phòng Bảo đảm chất lượng làm đầu mối, các khoa đào tạo phối hợp và chịu trách nhiệm liên lạc với cựu SV để thu thập thông tin về tình hình việc làm.

2. Hình thức khảo sát

- Gọi điện thoại trực tiếp cho cựu SV;
- Khảo sát online bằng link Google Form.

3. Thời gian khảo sát: Từ ngày 24/9/2025 đến ngày 30/11/2025.

4. Thống kê theo ngành

Thống kê số lượng cựu SV tốt nghiệp năm 2024 theo ngành được thể hiện như sau:

TT	Ngành	Số lượng cựu SV		Tổng cộng
		Đại học	Cao đẳng	
1	Giáo dục Mầm non	106	81	187
2	Giáo dục Tiểu học	115	6	121
3	Giáo dục Chính trị	8		8
4	Giáo dục Thể chất	27		27
5	Sư phạm Toán học	33		33
6	Sư phạm Tin học	8		8
7	Sư phạm Vật lý	10		10
8	Sư phạm Hóa học	8		8
9	Sư phạm Sinh học	4		4

TT	Ngành	Số lượng cựu SV		Tổng cộng
		Đại học	Cao đẳng	
10	Sư phạm Ngữ văn	23		23
11	Sư phạm Lịch sử	11		11
12	Sư phạm Địa lý	10		10
13	Sư phạm Âm nhạc	21		21
14	Sư phạm Mỹ thuật	12		12
15	Sư phạm Tiếng Anh	55		55
16	Ngôn ngữ Anh	52		52
17	Ngôn ngữ Trung Quốc	119		119
18	Việt Nam học	32		32
19	Quản trị kinh doanh	91		91
20	Tài chính - Ngân hàng	29		29
21	Kế toán	124		124
22	Khoa học môi trường	1		1
23	Khoa học máy tính	37		37
24	Nông học	8		8
25	Nuôi trồng thủy sản	33		33
26	Công tác xã hội	11		11
27	Quản lý đất đai	12		12
Tổng cộng		1.000	87	1.087

Năm 2024, Trường có 1.087 SV tốt nghiệp, trong đó: 1.000 SV hệ đại học (ĐH) chiếm tỷ lệ 92,00% và 87 SV hệ cao đẳng (CĐ) các ngành đào tạo giáo viên chiếm tỷ lệ 8,00%.

5. Thống kê tiến độ tốt nghiệp

Tiến độ tốt nghiệp của SV được xác định dựa trên thời điểm trúng tuyển nhập học và thời điểm tốt nghiệp của SV. Năm 2024, SV tốt nghiệp đúng tiến độ thuộc khóa tuyển sinh 2020 (đối với hệ ĐH) và khóa tuyển sinh 2021 (đối với hệ CĐ). Thống kê tiến độ tốt nghiệp của cựu SV được thể hiện như sau:

TT	Trình độ	Đúng tiến độ		Không đúng tiến độ		Tổng cộng
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Đại học	912	91,20	88	8,80	1.000
2	Cao đẳng	61	70,11	26	29,89	87
Tổng cộng		973	89,51	114	10,49	1.087

Năm 2024, Trường có 1.087 SV tốt nghiệp; trong đó, có 973 SV tốt nghiệp đúng tiến độ, chiếm tỷ lệ 89,51% (tăng 8,13% so với năm trước) và 114 SV tốt nghiệp không đúng tiến độ, chiếm tỷ lệ 10,49% (giảm 8,13% so với năm trước).

6. Thống kê kết quả phản hồi

Thống kê kết quả phản hồi của cựu SV tốt nghiệp năm 2024 được thể hiện như sau:

TT	Trình độ	Phản hồi		Không phản hồi		Tổng cộng
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Đại học	967	96,70	33	3,30	1.000
2	Cao đẳng	85	97,70	2	2,30	87
Tổng cộng		1.052	96,78	35	3,22	1.087

Trong số 1.087 cựu SV tốt nghiệp năm 2024, có 1.052 cựu SV phản hồi về tình hình việc làm chiếm tỷ lệ 96,78% (tăng 1,70% so với năm trước) và 35 cựu SV không phản hồi chiếm tỷ lệ 3,22% (giảm 1,70% so với năm trước).

II. THỐNG KÊ TÌNH HÌNH VIỆC LÀM

1. Thống kê tỷ lệ việc làm

Thống kê tỷ lệ việc làm của cựu SV được thể hiện như sau:

TT	Nội dung	Số lượng
1	Tổng số SV tốt nghiệp	1.087
2	Số lượng SV phản hồi	1.052
3	Số lượng SV có việc làm	960
4	Số lượng SV tiếp tục học	25
5	Số lượng SV chưa có việc làm	67
	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV phản hồi	93,63%
	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số SV tốt nghiệp	90,62%

Trong số 1.052 cựu SV phản hồi về tình hình việc làm, có 960 cựu SV có việc làm, 25 cựu SV đang học tập nâng cao trình độ và 67 cựu SV chưa có việc làm. Như vậy; theo quy định có 93,63% cựu SV có việc làm tính trên tổng số phản hồi (tăng 1,60% so với năm trước) và 90,62% cựu SV có việc làm tính trên tổng số tốt nghiệp (tăng 3,12% so với năm trước). Thống kê chi tiết về tỷ lệ việc làm của cựu SV tốt nghiệp năm 2024 theo ngành được thể hiện trong Biểu mẫu 1 đính kèm Báo cáo này.

2. Thống kê mức độ liên quan của việc làm với ngành đào tạo

Thống kê mức độ liên quan của việc làm với ngành đào tạo của cựu SV được thể hiện như sau:

TT	Tình hình việc làm	Số lượng cựu SV	Tỷ lệ (%)
1	Đúng ngành đào tạo	613	63,85
2	Liên quan đến ngành đào tạo	249	25,94

TT	Tình hình việc làm	Số lượng cựu SV	Tỷ lệ (%)
3	Không liên quan đến ngành đào tạo	98	10,21
	Tổng cộng	960	100

Trong số 960 cựu SV có việc làm; có 613 cựu SV có việc làm đúng ngành đào tạo chiếm tỷ lệ 63,85% (tăng 0,05% so với năm trước); 249 cựu SV có việc làm liên quan đến ngành đào tạo chiếm tỷ lệ 25,94% (tăng 2,81% so với năm trước) và 98 cựu SV có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo chiếm tỷ lệ 10,21% (giảm 2,86% so với năm trước).

3. Thống kê thời gian có việc làm

Thống kê thời gian có việc làm của cựu SV được thể hiện như sau:

TT	Thời gian có việc làm	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Dưới 6 tháng	644	67,08
2	Từ 6 đến dưới 12 tháng	211	21,98
3	Sau 12 tháng	105	10,94
	Tổng cộng	960	100

Trong số 960 cựu SV có việc làm; có 644 cựu SV có việc làm dưới 6 tháng sau khi tốt nghiệp chiếm tỷ lệ 67,08% (tăng 1,05% so với năm trước); 211 cựu SV có việc làm từ 6 đến 12 tháng sau khi tốt nghiệp chiếm tỷ lệ 21,98% (giảm 3,70% so với năm trước) và 105 cựu SV có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp chiếm tỷ lệ 10,94% (tăng 2,65% so với năm trước).

4. Thống kê khu vực làm việc

Thống kê khu vực làm việc của cựu SV được thể hiện như sau:

TT	Khu vực làm việc	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	458	47,71
2	Tư nhân	325	33,85
3	Có yếu tố nước ngoài	51	5,31
4	Tự tạo việc làm	126	13,13
	Tổng cộng	960	100

Trong số 960 cựu SV có việc làm; có 458 cựu SV làm việc trong khu vực nhà nước chiếm tỷ lệ 47,71% (tăng 1,62% so với năm trước); 325 cựu SV làm việc trong khu vực tư nhân chiếm tỷ lệ 33,85% (giảm 5,07% so với năm trước); 51 cựu SV làm việc trong khu vực có yếu tố nước ngoài chiếm tỷ lệ 5,31% (giảm 7,29% so với năm trước) và 126 cựu SV tự tạo việc làm chiếm tỷ lệ 13,13% (tăng 10,74% so với năm trước).

5. Thống kê thu nhập

Thống kê thu nhập của cựu SV được thể hiện như sau:

TT	Thu nhập của SV	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Dưới 5 triệu đồng	65	6,77

2	Từ 5 đến 10 triệu đồng	727	75,73
3	Trên 10 triệu đồng	168	17,50
	Tổng cộng	960	100

Trong số 960 cựu SV có việc làm; có 65 cựu SV có thu nhập dưới 5 triệu đồng chiếm tỷ lệ 6,77% (giảm 6,79% so với năm trước); 727 cựu SV có thu nhập từ 5 đến 10 triệu đồng chiếm tỷ lệ 75,73% (tăng 6,51% so với năm trước) và 168 cựu SV có thu nhập trên 10 triệu đồng chiếm tỷ lệ 17,50% (tăng 0,28% so với năm trước).

6. Thống kê nơi làm việc

Thống kê nơi làm việc của cựu SV được thể hiện như sau:

TT	Thu nhập của SV	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tỉnh Đồng Tháp	644	67,08
2	Tỉnh Tây Ninh	95	9,90
3	Thành phố Hồ Chí Minh	77	8,02
4	Tỉnh Vĩnh Long	73	7,60
5	Tỉnh An Giang	28	2,92
6	Thành phố Cần Thơ	24	2,50
7	Tỉnh Đồng Nai	7	0,73
8	Tỉnh Cà Mau	6	0,63
9	Tỉnh Lâm Đồng	2	0,21
10	Tỉnh Nghệ An	1	0,10
11	Khác	3	0,31
	Tổng cộng	960	100

Trong số 960 cựu SV có việc làm; đa số cựu SV làm việc trong tỉnh Đồng Tháp với 644 cựu SV chiếm tỷ lệ 67,08%; có 3 cựu SV làm việc tại Nhật Bản chiếm tỷ lệ 0,31%.

III. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Lãnh đạo Trường và lãnh đạo các khoa đào tạo rất quan tâm đến tình hình việc làm của cựu SV và xem đây là yếu tố có ý nghĩa quan trọng trong việc khẳng định chất lượng đào tạo và thương hiệu của Trường.

- Phòng Đào tạo, các khoa đào tạo đã có những giải pháp hiệu quả trong việc thu thập số điện thoại và địa chỉ email của SV vào thời điểm làm thủ tục xét tốt nghiệp. Điều này đã giúp cho việc liên hệ với cựu SV thuận lợi hơn, giúp tăng tỷ lệ phản hồi của cựu SV về tình hình việc làm.

- Hàng năm, Nhà trường tổ chức Ngày hội việc làm cho SV, đây là dịp để nhà sử dụng lao động tìm hiểu các ngành đào tạo của Trường và tham gia tuyển dụng sinh viên. Qua đó, góp phần tăng tỷ lệ việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp của cựu SV trong những năm gần đây.

2. Khó khăn

Một số cựu SV đã thay đổi số điện thoại so với số điện thoại đã cung cấp trước khi tốt nghiệp nên các khoa đào tạo không thể liên lạc được.

Trên đây là Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của cựu SV chính quy năm học 2025 - 2026 (tốt nghiệp năm 2024) của Trường Đại học Đồng Tháp. *Na*

Nơi nhận:

- Vụ Giáo dục Đại học (để b/c);
- Công khai trên website Trường;
- Lưu: VT, BĐCL(D).

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thống

BAO

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2024

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số lượng SVTN		Số lượng SV phản hồi		Tình trạng việc làm					Tỷ lệ có việc làm/ Tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ có việc làm/ Tổng số SVTN	Khu vực làm việc			
			Tổng cộng	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
							Đúng ngành	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
1	7140201	Giáo dục Mầm non	106	106	106	106	98	0	2	3	3	97,17	97,17	59	40	0	0
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	115	98	114	97	111	0	1	1	1	99,12	98,26	108	3	1	0
3	7140205	Giáo dục Chính trị	8	6	8	6	6	1	0	1	0	100,00	100,00	7	0	0	0
4	7140206	Giáo dục Thể chất	27	5	27	5	12	6	9	0	0	100,00	100,00	11	3	0	13
5	7140209	Sư phạm Toán học	33	17	32	16	27	0	0	2	3	90,63	87,88	26	1	0	0
6	7140210	Sư phạm Tin học	8	3	8	3	7	1	0	0	0	100,00	100,00	8	0	0	0
7	7140211	Sư phạm Vật lý	10	6	10	6	7	1	1	0	1	90,00	90,00	9	0	0	0
8	7140212	Sư phạm Hóa học	8	5	8	5	6	0	0	2	0	100,00	100,00	4	0	0	2
9	7140213	Sư phạm Sinh học	4	3	4	3	3	0	1	0	0	100,00	100,00	3	1	0	0
10	7140217	Sư phạm Ngữ văn	23	15	23	15	22	0	0	0	1	95,65	95,65	21	0	1	0
11	7140218	Sư phạm Lịch sử	11	3	9	3	9	0	0	0	0	100,00	81,82	8	1	0	0
12	7140219	Sư phạm Địa lý	10	7	9	6	8	1	0	0	0	100,00	90,00	9	0	0	0
13	7140221	Sư phạm Âm nhạc	21	10	18	9	14	1	1	0	2	88,89	76,19	12	2	0	2
14	7140222	Sư phạm Mỹ thuật	12	8	11	7	9	0	0	0	2	81,82	75,00	8	0	0	1
15	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	55	48	54	47	49	1	2	0	2	96,30	94,55	43	7	1	1
16	7220201	Ngôn ngữ Anh	52	39	49	37	2	23	7	9	8	83,67	78,85	10	13	7	2
17	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	119	93	107	84	15	73	9	3	7	93,46	84,03	1	16	78	2
18	7310630	Việt Nam học	32	25	31	24	7	14	6	1	3	90,32	87,50	0	23	0	4
19	7340101	Quản trị kinh doanh	91	55	90	54	13	50	17	0	10	88,89	87,91	16	43	10	11

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số lượng SVTN		Số lượng SV phản hồi		Tình trạng việc làm					Tỷ lệ có việc làm/ Tổng số SV phản hồi	Tỷ lệ có việc làm/ Tổng số SVTN	Khu vực làm việc			
			Tổng cộng	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
							Đúng ngành	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
20	7340201	Tài chính - Ngân hàng	29	22	28	21	8	9	10	0	1	96,43	93,10	1	22	3	1
21	7340301	Kế toán	124	106	122	104	52	37	20	0	13	89,34	87,90	23	67	14	5
22	7440301	Khoa học môi trường	1	1	1	1	0	0	1	0	0	100,00	100,00	0	1	0	0
23	7480101	Khoa học máy tính	37	6	34	6	3	26	1	0	4	88,24	81,08	9	18	0	3
24	7620109	Nông học	8	1	8	1	7	1	0	0	0	100,00	100,00	0	4	3	1
25	7620301	Nuôi trồng thủy sản	33	7	33	7	26	1	3	1	2	93,94	93,94	1	22	7	0
26	7760101	Công tác xã hội	11	6	11	6	3	3	4	0	1	90,91	90,91	2	6	1	1
27	7850103	Quản lý đất đai	12	4	12	4	10	0	2	0	0	100,00	100,00	7	5	0	0
28	51140201	Giáo dục Mầm non	81	81	79	79	76	0	0	0	3	96,20	93,83	50	26	0	0
29	51140202	Giáo dục Tiểu học	6	5	6	5	3	0	1	2	0	100,00	100,00	2	1	0	1
Tổng cộng			1087	791	1052	767	613	249	98	25	67	93,63	90,62	458	325	126	51

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Hồ Văn Thông